



xiàn shàng

线上

Noun · online; on the internet

Example Sentences

wǒ men jīng cháng zài xiàn shàng gòu wù
我们经常在线上购物。

We often shop online.

wǒ men kāi huì de xíng shì kě yǐ shì xiàn shàng huò xiàn xià
我们开会的形式可以是线上或线下。

The form of our meeting can be online or offline.

zhè jiā diàn xiàn xià hé xiàn shàng de jià gé bù yí yàng
这家店线下和线上的价格不一样。

This store has different prices in-person and online.

Trace each character, then write the word on your own.

线	线	线	线	线	线	线	线	线	线	线
上	上	上	上	上	上					